

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

Khóa thi: ngày 10/12/2023

(theo quyết định số: 44 /QĐ/TTNNTH, ngày 13 tháng 12 năm 2023)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	23CB3769	Trần Ngọc Lan Anh	22/10/2000	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	8.7	10.0	Đạt
2	23CB3770	Hồ Thị Châu	19/01/2001	Quảng Nam	Nữ	Íe-Triết	5.0	8.5	Đạt
3	23CB3771	Lê Trần Đại	09/11/2000	Bình Định	Nam	Kinh	9.0	9.5	Đạt
4	23CB3772	Nguyễn Văn Đáng	26/01/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	8.0	9.0	Đạt
5	23CB3773	Võ Văn Duy	07/11/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	9.3	10.0	Đạt
6	23CB3774	Nguyễn Thị Tâm Giao	04/05/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
7	23CB3775	Đoàn Lê Phi Hà	07/10/2000	Bình Định	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
8	23CB3776	Phạm Thị Hoài	17/08/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.7	9.0	Đạt
9	23CB3795	Nguyễn Văn Loan	15/10/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.7	8.5	Đạt
10	23CB3777	Nguyễn Thiên Lý	03/10/2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	9.3	9.0	Đạt
11	23CB3778	Võ Tuấn Ngọc	09/04/2000	Đắk Lắk	Nam	Kinh	6.0	9.0	Đạt
12	23CB3779	Trương Đình Quang	28/02/1992	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.0	8.5	Đạt
13	23CB3781	Nguyễn Thị Nhật Quyên	23/05/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	7.5	Đạt
14	23CB3782	Phạm Như Quỳnh	15/12/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	9.5	Đạt
15	23CB3783	Nguyễn Công Rin	18/08/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	7.0	8.5	Đạt
16	23CB3784	ZoRâm Sách	07/10/2001	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	8.3	8.0	Đạt
17	23CB3785	Trần Vũ Minh Tâm	02/01/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	8.5	Đạt
18	23CB3786	Mai Phước Thái	26/10/1994	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.0	8.5	Đạt
19	23CB3787	Nguyễn Phước Thiện	20/06/2000	Ninh Thuận	Nam	Kinh	9.3	9.5	Đạt
20	23CB3788	Nguyễn Tấn Thoại	01/05/2000	Bình Thuận	Nam	Kinh	7.7	9.0	Đạt
21	23CB3789	ZoRâm Thư	15/01/1995	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	7.7	7.5	Đạt
22	23CB3790	Ngô Thị Như Trâm	01/04/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.7	9.5	Đạt
23	23CB3791	Ngô Thị Huyền Trang	04/11/2000	Gia Lai	Nữ	Kinh	8.3	7.5	Đạt
24	23CB3792	Lê Võ Thanh Tùng	17/06/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9.7	9.0	Đạt
25	23CB3793	Nguyễn Dương Hoài Vă	09/11/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6.0	9.5	Đạt
26	23CB3794	Lê Thục Vy	30/01/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	7.0	8.5	Đạt

Danh sách ngày có: 26 (thí sinh)